

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày 01 - 6 - 2020

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Phúc, bà Lê Thị Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện VKSND huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 276/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019, về việc xin ly hôn giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nông Thị L; sinh năm 1968; địa chỉ: Số nhà 42/6, Tổ 7, đường Tô Hiệu, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Phùng Ca U; sinh năm 1967; địa chỉ: Số nhà A, Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh L. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn bà Nông Thị L có nội dung: Bà L và ông U kết hôn năm 1994 nhưng đã ly hôn. Năm 2013 bà L và ông U đăng ký kết hôn lại và được UBND xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 29 ngày 10 tháng 6 năm 2013. Sau đó hai người chung sống với nhau tại Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh L. Tuy nhiên, cuộc sống chung lại mâu thuẫn do ông U nhiều lần

đánh đập bà L. Vì vậy, bà L bỏ về sinh sống tại thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng từ năm 2015, cuộc sống của ai người ấy tự lo và không quan tâm đến nhau nữa. Nay bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà tự nguyện làm đơn xin ly hôn với ông U.

Bà L và ông U có 02 con chung là anh Phùng Nhật T, sinh ngày 06/7/1996 và chị Phùng Nhật H, sinh ngày 23/11/2000, các con đều có sức khỏe bình thường, có khả năng tự lập. Bà và ông U cũng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Phùng Ca U đều vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà L được ly hôn với ông U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được thẩm tra tại phiên Tòa, ý kiến của các đương sự, của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh luận tại phiên Tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nông Thị L đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phùng Ca U đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng pháp luật.

[2] Bà Nông Thị L và ông Phùng Ca U tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được UBND xã T, huyện D, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 29 ngày 10 tháng 6 năm 2013. Do mâu thuẫn trầm trọng nên bà L và ông U đã ly thân từ 2015, cuộc sống của ai người ấy tự lo và không quan tâm đến nhau nữa. Nay bà L xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên tự nguyện làm đơn xin ly hôn với ông U. Về phía ông Phùng Ca U đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, đã nhiều lần được thông báo, triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và không gửi cho Tòa án ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà L. Qua đó cho thấy ông U cũng không muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau, hôn nhân giữa bà L và ông U đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà L và ông U ly hôn là phù hợp.

[3] Bà L và ông U có hai con chung đều đã đủ 18 tuổi, có sức khỏe bình thường và có khả năng tự lập. Bà L xác định vợ chồng không có nợ chung, không

yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung, tài sản chung của các đương sự.

[4] Bà L phải chịu 300.000đ án phí xin ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 144, 147, 227, 235, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bà Nông Thị L được ly hôn với ông Phùng Ca U.

2. Về án phí: Bà Nông Thị L phải chịu 300.000đ án phí xin ly hôn, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0014510 ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D (đã nộp đủ).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- UBND xã Tân Thượng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Sỹ